

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày 03 tháng 8 năm 2020

“Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan

Ông Bùi Văn Thiệu

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 235/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” To Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29-6-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/QĐST-HNGĐ ngày 20-7-2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1975;

ĐKHKT: số A phố C, phường Trần Phú, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Trú tại: khu dân cư X, phường Tân Hưng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1971;

ĐKHKT và trú tại: số A phố C, phường Trần Phú, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, trú tại: số A phố C, phường Trần Phú, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Ngô Thị X T – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- To đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C được tự do tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 3 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân phường

Trần Phú, thành phố Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc khoảng 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp nhau, anh C thường xuyên chơi cờ bạc, chị đã có ý kiến nhưng anh C không tiếp thu, không thay đổi nên đến ngày 15/7/2003 chị T bỏ về gia đình bố mẹ ở tại khu dân cư X, phường Tân Hưng, thành phố Hải Dương, chị sống tại gia đình bố mẹ đẻ sinh con từ đó đến nay. Sau đó năm 2004, chị được biết qua chị Nguyễn Thị H là em gái anh C thì anh C bị tai nạn, nhưng chị cũng không về sống cùng anh Cường. Chị và anh C sống ly thân từ tháng 7/2003 đến nay, 2 người không quan tâm đến cuộc sống của nhau, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Cường, đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Cường.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn C có 01 con chung: Nguyễn Văn N, sinh ngày 14/11/2003, từ nhỏ con đã ở với chị. Sau khi chị sinh con thỉnh thoảng gia đình anh C có gửi cho con chị bánh kẹo, mì tôm không chu cấp tiền nuôi con. Sau khi ly hôn, giải quyết To nguyện vọng của con chung, cháu N cũng còn hơn 1 năm nữa là đủ tuổi thành niên. Khi đó cháu có quyền quyết định ở với ai là quyền của cháu nên chị đề nghị được tiếp tục được nuôi con chung đến khi con thành niên đủ 18 tuổi để cháu học hành và không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị T có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần Phú, thành phố Hải Dương vào ngày 13-3-2003. Sau khi cưới, anh chị chung sống không có mâu thuẫn gì nhưng đến tháng 7/2003 chị T bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở khu dân cư X, phường Tân Hưng, thành phố Hải Dương sinh sống từ đó đến nay. Cuối năm 2003, anh bị tai nạn không đi lại được nhưng vẫn minh mẫn, nay cũng đi lại được nhưng còn khó khăn, từ đó đến nay chị T không quan tâm đến anh. Mọi sinh hoạt hàng ngày do chị Nguyễn Thị H là em gái chăm sóc. Nay chị T có đơn ly hôn, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Đỗ Thị T có 01 con chung: Nguyễn Văn N, sinh ngày 14/11/2003, hiện đang ở với chị T. Theo ý kiến của chị T được tiếp tục nuôi con anh không nhất trí, cháu Nam phải ở với anh để chăm sóc anh tuổi già.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không có đề nghị giải quyết.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị T đã bỏ anh C sống ở nơi khác từ năm 2003. Anh C bị tai nạn chị là người trực tiếp chăm sóc anh C, chị T không chăm sóc và chung sống cùng anh C từ năm 2003 đến nay. Việc ly hôn và tranh chấp nuôi con là quyền của chị T.

Tại phiên tòa: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Từ năm 2003 đến trước thời điểm chị T có đơn ly hôn, chị T và anh C vẫn là vợ chồng, nhưng chị T chưa làm tròn trách nhiệm, chăm sóc, thương yêu anh C của người vợ. Từ tháng 7/2003 đến nay, chị T, anh C không sống chung với

nhau, bản thân anh C còn bị tai nạn đi lại khó khăn, em gái anh C là chị Nguyễn Thị H phải chăm sóc, nay chị T xác định không còn tình cảm với anh C nhưng cũng mong chị T suy nghĩ lại về đoàn tụ gia đình, anh C không nhất trí ly hôn. Đề nghị tòa án xem xét nguyện vọng này của anh C.

Về con chung: Anh C và chị T có 01 con chung: Nguyễn Văn N, sinh ngày 14/11/2003, đang ở với chị T. Đề nghị Tòa án xem xét việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu :

-Về chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng To quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu án, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T.

Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về nuôi con: Giao con chung Nguyễn Văn N, sinh ngày 14/11/ 2003 cho chị Đỗ Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (được đối trừ số tiền đã tạm ứng án phí 300.000đ) đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn Văn C và tiến hành lấy lời khai của anh C theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn C, người đại diện hợp pháp của anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn C, người đại diện hợp pháp của anh C tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trần Phú, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương ngày 13 tháng 3 năm 2003 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị Đỗ Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn C không đồng ý ly hôn. Xét yêu cầu của các đương sự, HĐXX thấy rằng: Sau khi kết hôn chị T và anh C có thời gian 4 tháng

chung sống cuộc sống vợ chồng. Chị T và anh C đều thừa nhận từ tháng 7/2003 đến nay là 17 năm, anh chị không có cuộc sống chung vợ chồng, mỗi người sống một nơi. Về tình cảm và kinh tế giữa chị T và anh C đã không liên quan tới nhau nhiều năm nay. Cuối năm 2003, anh C bị tai nạn, chị T có biết việc anh C bị tai nạn nhưng chị vẫn không về chung sống và chăm sóc anh C. Điều này, thể hiện chị T đã không còn tình cảm với anh C từ thời gian đó. Mặt khác, theo xác minh tại địa phương và gia đình thể hiện: Tại địa phương, anh C được hưởng chế độ người khuyết tật. Chị T đã không chung sống vợ chồng với anh C từ cuối năm 2003, tại thời điểm hiện tại chị T không sinh sống cùng anh C. Như vậy, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình không đạt được. Xét thấy, mâu thuẫn gia đình đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu của chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C là có căn cứ To quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn C đều xác nhận có 01 con chung: Nguyễn Văn N, sinh ngày 14/11/2003. Xét yêu cầu của các đương sự, thấy rằng: Khi anh C và chị T không sống chung cùng nhau, chị T sinh con, nuôi con một mình thì anh C không chu cấp tiền nuôi con chung do hoàn cảnh anh C bị tai nạn, hạn chế đi lại không làm việc lao động được mà gia đình anh chỉ có gửi quà bánh cho cháu N. Hiện tại, bản thân anh C cũng không có khả năng lao động, hưởng chế độ khuyết tật của nhà nước. Cháu N từ khi sinh ra đã ở với mẹ, hiện tại chưa thành niên, cháu N có nguyện vọng ở với mẹ và hiện nay cháu đang học trung học phổ thông, trong thời gian tới cháu cần điều kiện để học hành thì chị T có đủ điều kiện để đáp ứng về việc này nên để đảm bảo ổn định cuộc sống và học tập của con chung nên cần tiếp tục giao cho chị Đỗ Thị T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn N đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Theo ý kiến của chị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn C cấp dưỡng tiền nuôi con nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của chị T, anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị.

[4] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn C xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn To quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn Cường.

2. *Về nuôi con*: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn C có 01 con chung là Nguyễn Văn N, sinh ngày 14/11/2003. Giao con chung Nguyễn Văn N, sinh ngày 14/11/2003 cho chị Đỗ Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị T, anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đồng To biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0001147 ngày 20-5-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết To quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND phường T, TP Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu